

Xuất khẩu Hồ tiêu 5 tháng đầu năm 2022 đạt hơn 101 ngàn tấn

Tính đến hết tháng 5/2022, Việt Nam xuất khẩu được 101.339 tấn Hồ tiêu các loại, trong đó tiêu đen đạt 85.576 tấn, tiêu trắng đạt 15.763 tấn. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2022 đạt 468,4 triệu USD, tiêu đen đạt 373,8 triệu USD, tiêu trắng đạt 94,6 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước, lượng xuất khẩu giảm 16,9% tương đương 20.587 tấn và so với cùng kỳ năm 2020 lượng xuất khẩu giảm 31,6%, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu 5 tháng tăng 22,6% tương đương 86,4 triệu USD so với cùng kỳ 2021.

Đứng đầu xuất khẩu 5 tháng tiếp tục là doanh nghiệp Trần Châu đạt 13.585 tấn, tăng 28%. Tiếp theo là doanh nghiệp Olam: 11.443 tấn, tăng 22,6%; Nedspice: 8.106 tấn, tăng 7,2%; Phúc Sinh: 6.736 tấn, tăng 3,1%; Haprosimex JSC: 6.231 tấn, tăng 34,3%... Một số doanh nghiệp có lượng xuất khẩu giảm như Liên Thành, Hoàng Gia Luân, Sinh Lộc Phát, Gia vị Sơn Hà, Intimex Group, Unispice... Khối các doanh nghiệp ngoài VPA lượng xuất khẩu giảm 54,6% và chủ yếu của các doanh nghiệp xuất đi Trung Quốc.

So sánh 30 TT NK Hồ tiêu hàng đầu

đơn vị: tấn

Stt	Thị trường	5 tháng 2020	5 tháng 2021	5 tháng 2022	% +/- 22/21
1	America	24.724	24.636	24.973	1,4
2	India	7.517	5.984	8.408	40,5
3	United Arab	5.424	7.317	8.338	14,0
4	Germany	5.892	4.913	5.887	19,8
5	Korea	2.742	2.913	4.230	45,2
6	Netherlands	3.380	3.436	3.957	15,2
7	Ireland	661	1.971	2.940	49,2
8	Philippine	2.510	2.288	2.621	100,0
9	China	33.508	23.657	2.610	-89,0
10	Pakistan	6.261	6.318	2.472	-60,9
11	England	2.443	2.631	2.466	-6,3
12	Thailand	2.859	2.009	2.394	19,2
13	Singapore	626	377	2.348	100,0
14	Japan	1.327	1.446	1.945	34,5
15	Iran	1.835	1.981	1.529	-22,8
16	Canada	1.325	1.607	1.478	-8,0
17	Russia	2.902	2.186	1.401	
18	France	1.254	2.208	1.353	-38,7
19	Spain	1.148	1.121	1.322	17,9
20	Saudi Arabia	2.045	1.253	1.043	-16,8
21	South Africa	1.012	1.100	1.041	-5,4
22	Turkey	2.099	2.120	979	-53,8
23	Hongkong	46	89	963	982,0
24	Poland	1.652	1.307	949	-27,4
25	Egypt	6.035	3.114	908	-70,8
26	Việt Nam	300	572	907	58,6
27	Senegal	1.631	996	745	-25,2
28	Malaysia	509	621	708	14,0
29	Bangladesh	1.069	666	664	-0,3
30	Algeria	919	239	651	172,4
	Khác	22.602	10.850	9.109	-16,0
	Tổng	148.257	121.926	101.339	-16,9

Nhập khẩu của châu Mỹ giảm 0,2%, tuy nhiên riêng lượng nhập khẩu của Mỹ lại tăng 1,4% đạt 24.973 tấn và chiếm 24,6% tổng lượng xuất khẩu của Hồ tiêu Việt Nam. Xuất khẩu sang khu vực châu Á giảm 27,6% trong đó Trung Quốc và Pakistan là 2 thị trường giảm mạnh nhất với mức giảm lần lượt là 89% và 60,9%. Các thị trường châu Á ghi nhận mức tăng bao gồm: Ấn Độ, Ả Rập, Hàn Quốc, Philippine, Thái Lan và đặc biệt là Singapore.

Nhập khẩu Hồ tiêu của châu Âu từ Việt Nam giảm 3,8% và các thị trường có lượng nhập khẩu giảm bao gồm: Nga, Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ, Israel, Anh... Tuy nhiên lượng nhập khẩu cũng tăng ở Đức, Hà Lan, Ireland... Tại châu Phi nhập khẩu giảm 34,3% trong đó giảm mạnh nhất ở Ai Cập với mức giảm 70,8%, trong khi đó xuất khẩu sang 2 thị trường Algeria và Maroc có sự tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ năm ngoái với mức tăng là 172,4% và 156,4%.

So sánh 30 DN XK Hồ tiêu hàng đầu Việt Nam

đơn vị: tấn

Stt	Doanh nghiệp	5 tháng 2020	5 tháng 2021	5 tháng 2022	% +/- 22/21
1	Pearl Group	13.655	10.614	13.585	28,0
2	Olam Việt Nam	9.756	9.336	11.443	22,6
3	Nedspice Việt Nam	7.226	7.562	8.106	7,2
4	Phúc Sinh	11.646	6.531	6.736	3,1
5	Haprosimex JSC	6.865	4.639	6.231	34,3
6	Liên Thành	3.607	5.540	4.296	-22,5
7	Harris Freeman	2.799	3.030	4.264	40,7
8	Ottogi Việt Nam	1.224	1.464	3.072	109,8
9	DK Commodity	4.076	2.438	3.006	23,3
10	Gia vị Sơn Hà	2.732	3.712	2.692	-27,5
11	Hoàng Gia Luân	3.802	3.294	2.444	-25,8
12	Phong Thăng Long	2.052	1.374	2.154	56,8
13	Synthite Việt Nam	1.803	1.440	2.122	47,4
14	Ptexim Corp	1.770	1.892	1.930	2,0
15	Sinmexco Đắk Lắk	2.965	1.594	1.797	12,7
16	Nhật Quang	745	741	1.641	121,5
17	Pitco	1.007	1.720	1.625	-5,5
18	Sinh Lộc Phát	4.327	1.756	1.364	-22,3
19	Intimex Group	2.297	3.761	979	-74,0
20	Nam International	634	622	916	47,3
21	Unispice Việt Nam	2.355	2.789	902	-67,7
22	KSS Việt Nam	779	724	874	20,7
23	Expo Commodities	1.005	1.966	866	-56,0
24	Phúc Lợi	1.926	1.797	851	-52,6
25	Gia vị Đồng Dương	519	797	792	-0,6
26	Phúc Thành	991	521	770	47,8
27	Jayanti Herbs & Spice		29	752	2.493,1
28	Molvizadah Sons	1.758	1.340	701	-47,7
29	Hanfinx Việt Nam	2.146	1.228	688	-44,0
30	Hồng Đức Phát	43	18	588	3.166,7
	Khác	51.747	37.657	13.152	-65,1
	Tổng	148.257	121.926	101.339	-16,9



Xuất khẩu Hồ tiêu toàn cầu 5 tháng đầu năm 2022

Vụ thu hoạch Hồ tiêu tại Việt Nam và miền Nam Brazil (bang Espirito Santo) đã kết thúc với sản lượng được ghi nhận giảm khoảng 10% ở Việt Nam và ở Brazil sản lượng tương đương với năm 2021. Theo IPC, tổng nguồn cung toàn cầu năm 2022 ước đạt 535 ngàn tấn, giảm 2,6% so với năm 2021 và lượng giảm chủ yếu đến từ Việt Nam và Indonesia.

Tuy nhiên, mặc dù sản lượng giảm nhưng giá nội địa và xuất khẩu của thị trường Việt Nam đang có chiều hướng giảm từ mức 80.000 đồng/kg vào đầu năm giảm xuống còn 74.000 đồng/kg vào những ngày đầu tháng 6, tương tự cho giá xuất khẩu của Việt Nam cũng giảm từ mức 4.450 USD/tấn vào đầu năm xuống còn 4.250 USD/tấn vào tháng 5/2022. Không chỉ ở Việt Nam, giá ở các thị trường Brazil và Indonesia cũng giảm từ 200-250 USD so với thời điểm đầu năm 2022.



Nhu cầu tiêu thụ toàn cầu giảm là nguyên nhân chính dẫn tới giá Hồ tiêu giảm trong thời gian vừa qua. Từ việc ảnh hưởng của giá dầu tăng cao dẫn tới các nền kinh tế bị ảnh hưởng; chiến sự tại Nga - Ukraina cũng tác động không nhỏ đến thị trường Hồ tiêu thế giới khi các mặt hàng tiêu dùng bị lạm phát, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu; việc Trung Quốc tiếp tục theo đuổi chính sách Zero Covid cũng là một nguyên nhân dẫn tới giá Hồ tiêu giảm khi đây là thị trường nhập khẩu Hồ tiêu lớn thứ 2 trên thế giới sau Mỹ. Tuy nhiên lượng nhập khẩu Hồ tiêu của Trung Quốc từ Việt Nam 5 tháng đầu năm 2022 giảm tới 89% so với cùng kỳ năm 2021.

Tính đến hết tháng 5/2022, Việt Nam xuất khẩu được 101.339 tấn Hồ tiêu các loại, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 468,4 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước, lượng xuất khẩu giảm 16,9% tương đương 20.587 tấn, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu tăng 22,6% tương đương 86,4 triệu USD.

Trong 10 thị trường nhập khẩu Hồ tiêu hàng đầu Việt Nam thì ngoài Trung Quốc giảm còn có Pakistan cũng giảm 60,9%. Các thị trường còn lại đều có lượng nhập khẩu tăng như Mỹ tăng 1,4%; Hàn Quốc tăng 14%; Philippines tăng 14,6%; Hà Lan tăng 15,2%; Đức tăng 19,8%; đặc biệt có 3 thị trường tăng trên 40% bao gồm: Ấn Độ tăng 40,5%; Hàn Quốc tăng 45,2% và Ireland tăng 49,2%. Tuy nhiên, ngoài top 10 cũng còn có nhiều thị trường có lượng nhập khẩu giảm như Nga, Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Lan, Iran, Nam Phi, Senegal. Đặc biệt thị trường Ai Cập cũng giảm đột biến 70,8% do Chính phủ Ai Cập đề ra các quy định về chính sách nhập khẩu khi bắt buộc phải mở LC, điều này làm cho việc giải quyết hồ sơ bị chậm lại dẫn tới việc thông quan hàng hóa bị đình trệ trong suốt thời gian vừa qua.

Đối với Brazil, quốc gia sản xuất và xuất khẩu Hồ tiêu lớn thứ 2 trên thế giới cũng bị ảnh hưởng không kém gì Việt Nam. Xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2022 của Brazil đạt 27.684 tấn, trị giá đạt 111,6 triệu USD, so với cùng kỳ 2021 lượng xuất khẩu giảm 15%. Trong đó xuất khẩu sang Việt Nam giảm tới 50,5% khi mà sự chênh lệch giá xuất khẩu giữa 2 quốc gia không còn nhiều cách biệt như các năm trước. Các thị trường xuất khẩu chính của Brazil bao gồm UAE, Đức, Ấn Độ và Morocco.

5 thị trường xuất khẩu chính của Hồ tiêu Brazil

Stt	Thị trường	Số lượng
1	Việt Nam	5.353
2	UAE	3.291
3	Ấn Độ	3.017
4	Đức	2.723
5	Morocco	2.007
	Khác	11.293
	Tổng	27.684

Đối với Campuchia, 4 tháng đầu năm 2022 Campuchia đã xuất khẩu 3.835 tấn hạt tiêu, tăng 79,03% so với cùng kỳ năm ngoái, trái ngược với dự báo về sản lượng do tình trạng mưa trái mùa và ảnh hưởng của gió giết mùa vụ năm ngoái.

Việt Nam là nước nhập khẩu Hồ tiêu lớn nhất từ Campuchia đạt 3.540 tấn, tương đương 92,3%, tiếp theo là Đức (256 tấn), Malaysia (14 tấn), Bỉ (9 tấn), Pháp (9 tấn)...

Hướng dẫn thực hiện C/O mẫu D mới

Tổng cục Hải quan vừa hướng dẫn cục hải quan các tỉnh, thành phố đối với các chứng từ chứng nhận xuất xứ mẫu D được cấp kể từ ngày 1/5/2022.

Cụ thể, trên cơ sở kết quả Phiên họp giữa kỳ SCAROO diễn ra ngày 21/4/2022 theo hình thức trực tuyến liên quan đến việc thực hiện OCP ATIGA mới đối với các chứng từ chứng nhận xuất xứ mẫu D được cấp kể từ ngày 1/5/2022, Tổng cục Hải quan hướng dẫn cục hải quan các tỉnh, thành phố một số vấn đề về C/O.

Về thể thức C/O cấp sau, trường hợp C/O mẫu D được cấp sau ngày xuất khẩu, C/O phải được đánh dấu tích vào ô số 13 "Issued Retroactively" thay vì sau 3 ngày như trước đây.

Bộ cụm từ "Preferential Treatment Given under ASEAN Industrial Cooperation Scheme" tại ô số 4 và bộ phần hướng dẫn về AICO tại dòng 1, dòng 2 mặt sau C/O.

Sửa đổi dòng thứ 12 mặt sau C/O từ "Original CO (form D)" thành "Original Proof(s) of Origin".

Sửa đổi tại ô số 4 trên C/O từ "Signature of Authorised Signatory of the Importing Country" thành "Signature of Authorised Signatory of the Customs Authority of the Importing Country".

C/O mẫu D gồm một bản chính và hai bản sao, bộ quy định "Bản sao cac-bon" để chấp nhận C/O được in trên giấy A4.



Cảnh báo xuất khẩu sang Ai Cập

Trước tình hình khó khăn về việc thâm hụt ngoại tệ, ngày 13/2/2022, Ngân hàng Trung ương Ai Cập (CBE) đã quyết định không chấp nhận bộ chứng từ nhờ thu cho việc nhập khẩu hàng hóa mà thay vào đó, bắt buộc nhà nhập khẩu phải mở thư tín dụng để nhập khẩu hàng hóa. Một số trường hợp sẽ được CBE miễn trừ việc mở thư tín dụng cho việc nhập khẩu hàng hóa:

- Mua bán hàng nội bộ giữa các chi nhánh và công ty của các công ty nước ngoài với công ty mẹ.
- Hàng hóa có giá trị dưới 5.000 USD và chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.
- Thuốc, vaccine và các hoạt chất để sản xuất trong nước.
- Các mặt hàng chiến lược và thiết yếu: Chè, thịt, sản phẩm gia cầm, cá, lúa mì, dầu, sữa bột, sữa trẻ em, đậu fava, đậu lăng, bơ, ngô.

Đối với trường hợp các nhà nhập khẩu có nhà máy chế biến thì có thể thanh toán bằng hình thức DP, tuy nhiên các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải yêu cầu đối tác đặt cọc phí cước tàu, phí lưu cont, lưu bãi tối thiểu.

Hiện nay, việc xuất khẩu hàng hóa sang Ai Cập vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc thanh toán do nhà nhập khẩu phải đợi trung bình khoảng một tháng để nhận được chứng từ từ hàng (bộ LC), trong khi việc giải quyết hồ sơ của các ngân hàng Ai Cập bị tắc nghẽn do không đủ nhân sự để giải quyết hồ sơ. Đã có doanh nghiệp trong Hiệp hội gặp khó khăn trong việc thanh toán, chính vì vậy Hiệp hội khuyến nghị các doanh nghiệp cần làm rõ với đối tác nhập

khẩu Ai Cập trong việc thanh quyết toán và chi phí phát sinh, tránh tình trạng hàng hóa tới nơi nhưng bị chậm thanh toán, dẫn tới việc hàng hóa bị tính phí lưu cont, lưu bãi mà doanh nghiệp xuất khẩu phải chịu.

VPA tổng hợp từ một số doanh nghiệp



Chính phủ đề nghị TP HCM xem xét điều chỉnh phí hạ tầng cảng biển trong tháng 7/2022

Kết luận tại cuộc họp về phí hạ tầng cảng biển tại Thành phố Hồ Chí Minh mới đây, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các Bộ, các cơ quan, sớm trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh trong tháng 7 năm 2022...

Ngày 8/6, Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại cuộc họp về phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/5.

Kết luận nêu rõ Nghị quyết quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là phí hạ tầng cảng biển) để cụ thể hóa pháp luật về phí, lệ phí và hoàn thiện hệ thống khung pháp lý của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng thẩm quyền.

Mặc dù, Thành phố Hồ Chí Minh đã 2 lần lùi thời điểm để triển khai thu phí hạ tầng cảng biển và bắt đầu thu phí từ ngày 1/4/2022 nhưng giai đoạn hiện nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19 và tác động bởi nhiều yếu tố khác trong nước và thế giới. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp, hiệp hội có kiến nghị về việc thu phí hạ tầng cảng biển của Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo đó, các bộ ngành và cơ quan đề nghị Thành phố Hồ Chí Minh lưu ý một số nội dung về mức thu, đối tượng thu phí hạ tầng cảng biển như:

Đó là, thứ nhất, việc quy định mức thu phí khác nhau đối với hàng hóa mở tờ khai tại Thành phố Hồ Chí Minh và hàng hóa mở tờ khai tại địa phương khác cần đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân theo quy định Luật Phí và Lệ phí;

Thứ hai, rà soát mức thu của hàng tạm nhập tái xuất, hàng quá cảnh, hàng chuyển khẩu;

Thứ ba, rà soát sự phù hợp với các cam kết quốc tế, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia về vận tải đường thủy;

Thứ tư, xem xét điều chỉnh mức thu phí hợp lý đối với hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu được vận chuyển bằng đường thủy nội địa theo Chỉ thị số 37/CT-TTg ngày 19/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển vận tải thủy nội địa và vận tải ven biển bằng phương tiện thủy nội địa.

Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đề nghị UBND Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu tiếp thu ý kiến của các Bộ, các cơ quan, sớm trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh trong tháng 7/2022; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giải thích đến doanh nghiệp, hiệp hội, các cơ quan hữu quan để tạo sự đồng thuận khi thực hiện thu phí hạ tầng cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng thời, giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan theo dõi tình hình tổ chức điều chỉnh thu phí hạ tầng cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

Theo Vneconomy.vn



Số liệu Hồ tiêu nhập khẩu

Đơn vị: tấn

Stt	Quốc gia	5 tháng 2020	5 tháng 2021	2022					Tổng	% +/- 22/21
				1	2	3	4	5		
1	Cambodia *	1.747	3.228	309	754	1.851	894	2.938	6.746	109,0
2	Brazil	5.267	4.498	557	1.954	810	1.053	1.160	5.534	23,0
3	Indonesia	4.404	5.982	374	144	615	654	1.109	2.896	-51,6
4	Malaysia	247	374	153	181	114	95	25	568	51,9
5	Việt Nam **	301	1.510	91	66	111	72	81	421	-72,1
6	China	82	203	61	9	209		6	285	40,4
7	Spain	33	108		1			216	217	100,9
8	Belize							162	162	100,0
9	Ecuador	134	79		77	25	27		129	63,3
10	Singapore	65	23	25		43		17	85	269,6
	HongKong	410	352	9	6	46	4	33	98	-72,2
	Tổng	12.690	16.357	1.579	3.192	3.824	2.799	5.747	17.141	4,8

*: Nhập khẩu chính ngạch, **: Hàng xuất khẩu bị trả về, hàng nhập khẩu tại kho ngoại quan

Các doanh nghiệp nhập khẩu Hồ tiêu

Đơn vị: tấn

Stt	Doanh nghiệp	5 tháng 2020	5 tháng 2021	2022					Tổng	% +/- 22/21
				1	2	3	4	5		
1	Olam Việt Nam	4.588	6.979	197	1.236	1.625	1.779	2.318	7.155	2,5
2	Hồng Vũ		293			582	438	710	1.730	490,4
3	Pearl Group	129	381	108	405	351	135	513	1.512	296,9
4	Thái Sang			289	276	259		417	1.241	100,0
5	Quỳnh Trung	300	800		50	150	150	700	1.050	31,3
6	Liên Thành	100	25	270	324	81		216	891	3.464,0
7	KSS Việt Nam	898	826	271	76	261	102	167	877	100,0
8	Gia vị Sơn Hà	280	1.238	52	142	123	54	297	668	100,0
9	Harris Freeman	1.244	1.552	153	126	144	70	162	655	-57,8
10	Nedspice Việt Nam	947	644	70	85	78	67	189	489	100,0
11	Haprosimex JSC			78	240				318	100,0
12	Simexco Đắk Lắk	225			135				135	100,0
13	Unispice Việt Nam	279	76			76		17	93	22,4
14	Ptexim Corp	23			54	10		12	76	100,0
15	Quốc tế Việt Cam		90	20	20	20			60	-33,3
16	Tuấn Minh					25			25	100,0
17	Hòa Phát Tân Châu					24			24	100,0
18	Ninbo Changya	7	11	2	9			5	16	45,5
19	Acecook Việt Nam	12	34		5	5	2	4	16	-52,9
20	Dinh Bà							14	14	100,0
	Khác	3.658	3.408	69	9	10	2	6	96	-97,2
	Tổng	12.690	16.357	1.579	3.192	3.824	2.799	5.747	17.141	4,8